

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Chương trình công tác năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 6854/TTr-CAT-PC06 ngày 15 tháng 06 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch thực hiện Đề án).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương

đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục C06-Bộ Công an;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các hội, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Các ĐVSN thuộc tỉnh;
- LĐ, CV VPUBND tỉnh;
- Phòng HC-TC;
- Lưu: VT, C2, V9, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID
giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức quán triệt, triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 26/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Đẩy mạnh ứng dụng tài khoản định danh điện tử VNeID trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến, phát triển các tiện ích số phục vụ người dân, doanh nghiệp; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh.

d) Khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu dân cư, dữ liệu định danh và xác thực điện tử; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện phải bảo đảm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 940/QĐ-TTg; phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Xác định rõ nội dung công việc, thời gian thực hiện, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm tính chủ động, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

d) Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá

trình kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn thông tin và an ninh mạng.

đ) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp về ý nghĩa, vai trò, lợi ích của ứng dụng định danh điện tử VNeID; khuyến khích sử dụng các tiện ích số trên nền tảng VNeID trong các giao dịch và hoạt động hằng ngày.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trở thành Nền tảng số quốc gia, an toàn, hiện đại, có khả năng mở rộng cao, phục vụ hiệu quả người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong thực hiện TTHC, cung cấp DVC trực tuyến, các giao dịch điện tử và khai thác các tiện ích số.

- Đồng thời là nền tảng số tin cậy để kết nối, chia sẻ, xác thực thông tin giữa các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, CSDL chuyên ngành, hệ thống thông tin của Trung ương, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, gắn với chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2028

- Rà soát, tham mưu hoàn thiện, đồng bộ các quy định, quy chế, cơ chế phối hợp thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm tạo cơ sở pháp lý, điều kiện thuận lợi cho việc triển khai, vận hành, khai thác, sử dụng và mở rộng các tiện ích trên nền tảng VNeID trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành việc rà soát, nâng cấp, kết nối, tích hợp hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh với nền tảng VNeID, bảo đảm đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của Đề án.

- Triển khai đồng bộ các ứng dụng lõi, ứng dụng cơ bản và các tiện ích thiết yếu trên VNeID phục vụ người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và các giao dịch điện tử.

- Xây dựng kế hoạch phát triển, mở rộng hệ sinh thái số trên VNeID của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; đến hết năm 2028, phấn đấu tích hợp, khai thác hiệu quả tối thiểu 50% tiện ích số thiết yếu trên VNeID thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của tỉnh, phục vụ nhu cầu giao dịch số của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

- Cấp tài khoản định danh điện tử cho 100% cá nhân là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú trên địa bàn tỉnh, cơ quan, tổ chức đủ điều kiện và có

nhu cầu theo quy định.

- Phân đầu 100% đối tượng đủ điều kiện tiếp nhận các khoản hỗ trợ, hưu trí, chi trả an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh được hướng dẫn, hỗ trợ tích hợp thông tin tài khoản thanh toán, ví điện tử trên VNeID.

- Tích hợp 100% giấy tờ công dân, tổ chức theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử; ưu tiên các loại giấy tờ, thông tin thường xuyên sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

- 100% thuê bao di động trên địa bàn tỉnh được đăng ký, xác thực thông tin trên VNeID.

- Bước đầu triển khai, khai thác các tiện ích có ứng dụng trí tuệ nhân tạo trên VNeID nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ số.

- 80% công dân có đủ điều kiện được cấp chứng thư chữ ký số để sử dụng trong các DVC trực tuyến. Đồng thời, phát triển mở rộng các dịch vụ tin cậy trên VNeID, tích hợp với VNeID để phục vụ các giao dịch dân sự của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật các lớp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh phục vụ định danh, xác thực điện tử theo hướng đầy đủ, chính xác, đồng bộ, tin cậy, được cập nhật thường xuyên; bảo đảm khả năng khai thác, đối soát, kết nối, chia sẻ an toàn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống VNeID.

b) Đến năm 2030

- Hoàn thành phát triển, mở rộng hệ sinh thái số trên VNeID trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch giai đoạn đến năm 2030; tích hợp các tiện ích số phục vụ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hoạt động sản xuất, kinh doanh và các dịch vụ, tiện ích số thuộc phạm vi quản lý của tỉnh lên VNeID theo hướng dẫn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Trung ương.

- 100% công dân đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh có tài khoản VNeID mức độ 2; được hướng dẫn, hỗ trợ tích hợp thông tin tài khoản thanh toán, ví điện tử trên VNeID khi có nhu cầu.

- 100% công dân đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh được cấp chứng thư chữ ký số để sử dụng trong các DVC trực tuyến; đồng thời hoàn thiện các dịch vụ tin cậy trên VNeID, tích hợp với VNeID để phục vụ các giao dịch dân sự của người dân, doanh nghiệp.

- 70% tiện ích, dịch vụ số được triển khai, tích hợp trên VNeID thuộc phạm vi quản lý, khai thác của tỉnh có ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm cá nhân hóa, nâng cao chất lượng phục vụ và trải nghiệm của người dùng.

- 70% người dùng VNeID trên địa bàn tỉnh được tiếp cận, trải nghiệm dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán hóa đơn thiết yếu trên VNeID.

- 70% người dùng VNeID trên địa bàn tỉnh thường xuyên truy cập, sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong hệ sinh thái VNeID.

c) Đến năm 2045

- Tiếp tục mở rộng hệ sinh thái tiện ích số trên VNeID trên địa bàn tỉnh; thường xuyên rà soát, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu ổn định, an toàn, thông suốt.

- 100% tiện ích, dịch vụ số được triển khai, tích hợp trên VNeID thuộc phạm vi quản lý, khai thác của tỉnh có ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ người dùng với các nhu cầu, kỹ năng số khác nhau.

- 100% người dùng VNeID trên địa bàn tỉnh được tiếp cận, trải nghiệm dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán hóa đơn thiết yếu trên VNeID.

- 90% người dùng VNeID trên địa bàn tỉnh thường xuyên truy cập, sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong hệ sinh thái VNeID.

III. PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kế hoạch được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh Gia Lai.

2. Thời gian thực hiện Kế hoạch từ năm 2026 đến năm 2045, chia làm 03 giai đoạn:

a) Giai đoạn 1 (2026 - 2028):

- Tập trung rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình, quy chế phối hợp thuộc thẩm quyền của tỉnh; chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật dữ liệu; rà soát, nâng cấp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với nền tảng VNeID theo hướng dẫn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Trung ương.

- Triển khai các dịch vụ, tiện ích lõi, tiện ích cơ bản trên VNeID phục vụ người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, giao dịch điện tử; bước đầu hình thành hệ sinh thái số trên VNeID tại địa phương.

b) Giai đoạn 2 (2029 - 2030):

- Tập trung hoàn thiện, mở rộng hệ sinh thái số trên VNeID trên địa bàn tỉnh; tích hợp các dịch vụ, tiện ích số thuộc phạm vi quản lý của tỉnh lên VNeID theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương.

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh; từng bước ứng dụng các công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối và các công nghệ liên quan nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu.

c) Giai đoạn 3 (2031 - 2045):

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện năng lực hạ tầng kỹ thuật, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của tỉnh, bảo đảm kết nối, chia

sẽ, khai thác dữ liệu ổn định, an toàn, thông suốt với nền tảng VNeID.

- Mở rộng hệ sinh thái số trên VNeID theo hướng đa dạng hóa dịch vụ, tiện ích, phù hợp với nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh; tối đa hóa trải nghiệm người dùng, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh Gia Lai.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

a) Rà soát, đánh giá tổng thể hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về định danh và xác thực điện tử, giao dịch điện tử, tích hợp tiện ích số, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đến việc khai thác, sử dụng VNeID.

b) Triển khai Luật Định danh và xác thực điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị quyết về phát triển công dân số;... nhằm xác định rõ phạm vi, giá trị pháp lý, điều kiện sử dụng, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể khi sử dụng VNeID trong các quan hệ hành chính, dân sự, thương mại và các giao dịch điện tử khác.

c) Xây dựng, chuẩn hóa quy trình, quy chế phối hợp, cơ chế giám sát, kiểm tra đối với việc kết nối, khai thác, sử dụng VNeID trong các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; bảo đảm việc triển khai thống nhất, đồng bộ, đúng quy định, an toàn, hiệu quả.

- *Cơ quan chủ trì:* Công an tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* 2026 - 2027.

2. Phối hợp nâng cấp, hoàn thiện VNeID đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới

a) Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc nâng cấp, hoàn thiện VNeID theo yêu cầu tại Quyết định số 940/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tập trung tạo lập, cập nhật, làm giàu và khai thác hiệu quả dữ liệu từ các nguồn hợp pháp, gồm: ⁽¹⁾ CSDL quốc gia về dân cư, CSDL căn cước, dữ liệu về định danh và xác thực điện tử; ⁽²⁾ CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; ⁽³⁾ Dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; ⁽⁴⁾ Dữ liệu giao dịch của chủ thể danh tính điện tử và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác.

b) Việc phối hợp nâng cấp, hoàn thiện VNeID phải bảo đảm yêu cầu kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu đúng quy định; phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, phát triển công dân số, kinh tế số, xã hội số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- *Cơ quan chủ trì:* Công an tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các sở, ban, ngành tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- *Thời gian thực hiện:* 2026 - 2030.

3. Phát triển, mở rộng hệ sinh thái tiện ích số trên VNeID

a) Phát triển, mở rộng hệ sinh thái tiện ích số trên VNeID theo hướng thiết thực, thuận tiện, dễ sử dụng, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; bảo đảm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giao dịch số của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

b) Đẩy mạnh tích hợp, cung cấp các dịch vụ, tiện ích số trên VNeID gắn với giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, xác thực thông tin, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và các tiện ích phục vụ đời sống dân sinh, sản xuất, kinh doanh.

c) Khuyến khích, tạo điều kiện để các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp tham gia phát triển, cung cấp, tích hợp dịch vụ, tiện ích số trên VNeID; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu quản lý nhà nước, an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- *Cơ quan chủ trì:* Công an tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Phối hợp Bộ Công an triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin

a) Rà soát, đánh giá hiện trạng an ninh, an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin có kết nối, khai thác, sử dụng VNeID theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao; kịp thời phát hiện, khắc phục nguy cơ, lỗ hổng, điểm yếu về an ninh, an toàn thông tin.

b) Triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, bảo mật toàn diện, đa lớp theo hướng dẫn của Bộ Công an; bảo vệ dữ liệu trong toàn bộ quá trình kết nối, thu thập, truyền, lưu trữ, xử lý, chia sẻ, khai thác, sao lưu và phục hồi dữ liệu.

c) Bổ sung, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống giám sát an ninh mạng, giám sát truy cập, giám sát hành vi, giám sát giao dịch và cơ chế cảnh báo sớm đối với hệ thống VNeID và các thành phần có liên quan; bảo đảm phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin.

d) Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện phương án, kịch bản, quy trình ứng cứu sự cố và kiểm thử an ninh, an toàn đối với các hệ thống có kết nối, khai thác, sử dụng VNeID; nâng cao năng lực tổ chức, nhân lực và tăng cường cơ chế phối hợp trong triển khai kết nối, khai thác, sử dụng VNeID.

đ) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về an toàn số, bảo vệ dữ liệu cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức tham gia khai thác, sử dụng VNeID.

- *Cơ quan chủ trì:* Công an tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

5. Bảo đảm nhân lực và hỗ trợ người dùng

a) Hoàn thiện, triển khai mô hình quản lý, vận hành, khai thác VNeID trên địa bàn tỉnh theo hướng rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ đầu mối, rõ cơ chế phối hợp; bố trí nhân lực chuyên trách, kiêm nhiệm có trình độ, năng lực phù hợp để triển khai, vận hành, khai thác hiệu quả VNeID tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng trực tiếp vận hành, khai thác, hỗ trợ sử dụng VNeID; chú trọng bồi dưỡng kiến thức pháp lý, nghiệp vụ, kỹ năng sử dụng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và kỹ năng hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

c) Thiết lập, duy trì cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ nghiệp vụ và hỗ trợ người dùng trong quá trình tích hợp, khai thác, sử dụng VNeID; kịp thời tiếp nhận, hướng dẫn, xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh, nhất là đối với nhóm yếu thế, người dân ở vùng sâu, vùng xa, người hạn chế về kỹ năng số.

d) Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền thường xuyên, liên tục, đa dạng về hình thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng và hiệu quả khai thác, sử dụng VNeID của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức; phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp.

đ) Huy động sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ, cơ sở giáo dục, đào tạo và các tổ chức có liên quan đồng hành cùng Công an tỉnh trong nghiên cứu, thử nghiệm, triển khai các mô hình mới, giải pháp mới phục vụ việc cung cấp dịch vụ, tiện ích trên VNeID.

- *Cơ quan chủ trì:* Công an tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

6. Sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá

Tổ chức khảo sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ tình hình, kết quả thực hiện bằng hình thức phù hợp, bảo đảm thực chất, hiệu quả. Thực hiện sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; điều chỉnh nội dung chưa phù hợp. Chú trọng công tác hướng dẫn, đôn đốc thực hiện; khen thưởng,

động viên kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích, đóng góp tích cực.

- *Cơ quan chủ trì*: Công an tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện*: Thường xuyên và theo các giai đoạn của Kế hoạch.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh

a) Chủ trì quản lý, vận hành VNeID; tổ chức tích hợp, cung cấp, khai thác các dịch vụ, tiện ích số trên VNeID theo phân cấp, hướng dẫn của Bộ Công an; bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn, an ninh mạng.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

c) Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn, tổng hợp, đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định; gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, giải pháp công nghệ, hạ tầng số và các yêu cầu kỹ thuật phục vụ phát triển, nâng cấp, tích hợp, mở rộng VNeID trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Sở Tư pháp

Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc triển khai, khai thác, sử dụng VNeID trên địa bàn tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Công an tỉnh triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc phạm vi quản lý.

b) Phối hợp với Công an tỉnh rà soát, đề xuất phát triển, tích hợp dịch vụ, tiện ích số thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trên VNeID; thực hiện kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu với hệ thống VNeID theo quy định.

c) Chủ động bố trí, lồng ghép kinh phí từ nguồn ngân sách được giao và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

d) Thực hiện kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo hướng dẫn của Công an tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tổ chức triển khai Kế hoạch trên địa bàn theo phân cấp, phạm vi quản lý; phối hợp phát triển, tích hợp, khai thác các dịch vụ, tiện ích số trên VNeID phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

b) Chủ động bố trí, lồng ghép kinh phí từ nguồn ngân sách được giao và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

c) Tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng các dịch vụ, tiện ích số trên VNeID; phát huy vai trò của cán bộ cơ sở, Công an cơ sở và Tổ Công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

d) Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ, đột xuất theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì.

7. Chế độ thông tin, báo cáo

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Định kỳ hằng tháng, báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép trong báo cáo Đề án 06, gửi trước ngày 10 hằng tháng; đồng thời thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu, hướng dẫn của Công an tỉnh. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh), để xem xét, phối hợp giải quyết./.